

BÁO CÁO**Kết quả đánh giá, phân loại việc thực hiện nhiệm vụ
của đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã năm 2013**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện Dự án 600 Phó Chủ tịch xã tại Công văn số 6407/VPCP-TCCV ngày 02/8/2013 của Văn phòng Chính phủ, ngày 10/12/2013 Bộ Nội vụ có Công văn số 4486/BNV-CTTN đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Dự án 600 Phó Chủ tịch xã tổ chức đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội viên Dự án năm 2013. Trên cơ sở tổng hợp số liệu của 64 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh, Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện nhiệm vụ đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã năm 2013. Cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI VIÊN DỰ ÁN**1. Việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước**

Các đội viên Dự án đều được cấp ủy, chính quyền địa phương đánh giá chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước. Cụ thể là:

a) Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; an tâm công tác và quyết tâm gắn bó lâu dài với địa phương;

b) Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, hương ước, quy ước của thôn, bản nơi công tác;

c) Có ý thức đấu tranh chống lại các hành vi, biểu hiện đi ngược lại quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; năng lực tập hợp, đoàn kết cán bộ, công chức trong đơn vị; tinh thần hợp tác, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đội viên Dự án

a) Luôn gương mẫu, chấp hành tốt sự phân công công tác, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp công tác với cán bộ, công chức trong xã và các cơ quan, ban ngành cấp trên;

b) Có tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc nghiêm túc, nhanh nhẹn, không ngại khó, ngại khổ. Luôn chủ động, sáng tạo, thường xuyên bám sát cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Có lối sống lành mạnh, khiêm tốn, giản dị trung thực, vui vẻ hòa đồng với cán bộ, công chức và nhân dân địa phương; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp và gần gũi với nhân dân;

d) Có tinh thần tự giác, thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác; không lợi dụng chức vụ để gây khó khăn cho người dân hoặc các tổ chức, công dân đến liên hệ công tác;

đ) Chủ động tiếp cận, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, tìm hiểu phong tục tập quán, đời sống của nhân dân; tận tụy và có trách nhiệm cao đối với công việc được giao; luôn suy nghĩ, trăn trở tìm mọi biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội góp phần xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào nên nhận được sự tín nhiệm của nhân dân.

3. Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực tham mưu, đề xuất; năng lực lãnh đạo, quản lý của đội viên Dự án

a) Đã chủ động nắm bắt tình hình và tìm hiểu phong tục tập quán, cách thức, phương thức sản xuất của nhân dân; chủ động, mạnh dạn đề xuất các giải pháp, phương án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Hầu hết các đội viên Dự án phát huy được năng lực, trình độ chuyên môn; tham gia tích cực trong việc xây dựng, tổ chức và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo tại địa phương; góp phần thay đổi nhận thức, tư duy, tập quán trong lao động sản xuất của nhân dân...;

c) Đã bắt nhịp và nắm bắt công việc được giao, góp phần cùng chính quyền địa phương điều hành tốt hoạt động của Ủy ban nhân dân, thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính quyền các cấp, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và được cấp ủy, chính quyền xã, huyện đánh giá cao. Qua hai năm về xã công tác hầu hết các đội viên Dự án đã khẳng định được năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội viên Dự án

a) Về lĩnh vực kinh tế:

- Đã tham mưu, tổ chức thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh - quốc phòng; cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, đề án, chương trình của tỉnh, huyện;

- Đội viên Dự án đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã triển khai kết hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân sản xuất đúng lịch thời vụ;

- Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan ban ngành tuyên truyền, chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các mô hình thuộc các nguồn vốn của Chính phủ như Chương trình 135, nguồn vốn lồng ghép thuộc chương trình 30a và các chương trình, đề án, dự án khác trên địa bàn;

- Đội viên Dự án đã tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện các đề án mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, như: lúa nước, chè, keo lai, nuôi bò vỗ béo, nuôi đàn gia súc vào mùa đông, trồng đậu tương, trồng ngô hàng hóa...;

- Tham mưu, đề xuất để thực hiện công tác khai hoang, phục hóa, mở rộng đất sản xuất. Tổ chức tốt công tác kiểm tra, bảo vệ rừng; thực hiện tốt công tác phòng chống, cháy rừng, phòng chống lụt bão.

b) Về lĩnh vực văn hóa - xã hội:

- Chỉ đạo, tuyên truyền trực tiếp cho nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân; vận động nhân dân cho con em, học sinh đến trường đảm bảo tỷ lệ học sinh cao. Trong đó, trẻ em mầm non đến trường đạt 100%, duy trì thường xuyên tỷ số trong độ tuổi đến trường đạt trên 90%;

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, rà soát thực hiện chính sách hộ nghèo; chỉ đạo y tế cơ sở đảm bảo thực hiện tốt khám chữa bệnh, điều trị, cấp phát thuốc, giải quyết chế độ bảo hiểm cho nhân dân kịp thời, đúng quy định, triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia. Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động văn hóa - xã hội, như: tổ chức thành công đại hội thể dục - thể thao, xây dựng làng văn hóa... được đánh giá cao.

5. Ưu điểm, nhược điểm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội viên Dự án

a) Ưu điểm:

Nhìn chung đội viên Dự án đã yên tâm công tác, phát huy được tinh thần trách nhiệm, cũng như năng lực, trình độ chuyên môn, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Chủ động, tích cực phối hợp với các ban, ngành đoàn thể ở xã để triển khai các nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, nhanh chóng tiếp cận với công việc thuộc lĩnh vực phụ trách; tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển kinh tế - xã hội được chính quyền và nhân dân địa phương ghi nhận và đánh giá cao. Các đội viên đều hoàn thành nhiệm vụ, đa số hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhiều đội viên được đứng trong hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Nhược điểm:

Một số đội viên Dự án còn chưa thực sự chủ động trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về phát triển kinh tế - xã hội. Do đội viên Dự án còn ít kinh nghiệm công tác quản lý nên chưa được giao xử lý những vấn đề phức tạp của xã; chất lượng tham mưu, đề xuất giải quyết công việc của một số đội viên còn hạn chế.

6. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Điều kiện, cơ sở vật chất ở xã còn thiếu thốn, gây khó khăn trong sinh hoạt và công tác của đội viên Dự án.

- Một số xã do công tác chỉ đạo, điều hành vẫn mang nặng về kinh nghiệm, các nội quy, quy chế hoạt động tuy đã được ban hành nhưng chưa áp dụng triệt để nên đội viên Dự án gặp khó khăn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Một số đội viên Dự án còn lúng túng, hạn chế trong phối hợp công tác với cán bộ, công chức và các đoàn thể nhân dân.

- Một số đội viên Dự án chưa mạnh dạn đề xuất, trao đổi công việc; chưa chủ động bố trí thời gian xuống thôn, bản để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI ĐỘI VIÊN DỰ ÁN

1. Kết quả đánh giá, phân loại thực hiện nhiệm vụ của đội viên Dự án

Có 577 trong tổng số 580 đội viên Dự án được cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013 (có 3 đội viên không được đánh giá gồm: đội viên Lê Văn Tuấn - Phó Chủ tịch xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đã mất do căn bệnh ung thư vào tháng 9/2013; đội viên Mông Thế Dũng - Phó Chủ tịch xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và đội viên Võ Tấn Hùng - Phó Chủ tịch xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đang nghỉ chữa bệnh do sức khỏe không đảm bảo để công tác nên địa phương không tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013). Kết quả đánh giá, phân loại 577 đội viên Dự án cụ thể như sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có 148/577 đội viên, chiếm 25,65%.
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ có 340/577 đội viên, chiếm 58,93%.
- c) Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá có 66/577 đội viên, chiếm 11,44%.
- d) Hoàn thành nhiệm vụ có 23/577 đội viên, chiếm 3,99%.

(Có Biểu số 01, Biểu số 02 và Biểu số 03 kèm theo).

Như vậy có 488/577 đội viên (chiếm 84,58%) được cấp ủy, chính quyền xã đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013.

2. Công tác phát triển Đảng đối với đội viên Dự án

Đội viên Dự án đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, rèn luyện và phấn đấu để trở thành Đảng viên. Nhiều đội viên Dự án đã được kết nạp Đảng và đang phát huy được năng lực, trí tuệ và được cấp ủy Đảng, chính quyền xã, huyện đánh giá cao về năng lực chuyên môn, khả năng trong công tác cũng như phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức. Tính đến hết năm 2013, có 245/579 đội viên là đảng viên (chiếm 42,31%). Trong đó:

a) Có 103 đội viên Dự án là đảng viên trước khi về xã công tác, chiếm 17,79%;

b) Có 142 đội viên Dự án được kết nạp Đảng sau khi về xã công tác chiếm 24,53%;

Theo kết quả phân loại Đảng viên năm 2013 cho thấy, các đội viên Dự án đều được đánh giá, phân loại đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Có 217 đội viên Dự án đã được tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng (chiếm 37,48%). Hiện nay, Đảng ủy các xã này đang khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để kết nạp Đảng trong năm 2014;

d) Còn lại 117 đội viên Dự án (chiếm 20,21%) đang được cấp ủy, chính quyền địa phương theo dõi, giúp đỡ để phát triển Đảng trong thời gian tới.

(Có Biểu số 04 kèm theo).

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tiếp tục triển khai thực hiện Dự án 600 Phó Chủ tịch xã theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6407/VPCP-TCCV ngày 02/8/2013 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc phạm vi thực hiện Dự án thực hiện một số nội dung sau:

1. Bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các đề án, dự án, mô hình mới phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả, có tính khả thi cao do đội viên Dự án đề xuất.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức cho các đội viên Dự án đi tham quan, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm ở các địa phương nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, lãnh đạo, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với địa phương.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện để đội viên Dự án hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phát huy năng lực quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo.

4. Thường xuyên duy trì tổ chức gặp mặt, trao đổi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đội viên Dự án.

Trên đây là kết quả đánh giá, phân loại việc thực hiện nhiệm vụ của đội viên Dự án 600 Phó Chủ tịch xã năm 2013, Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo Thủ tướng Chính phủ./

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ủy ban nhân dân 20 tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh Dự án;
- Sở Nội vụ 20 tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Dự án;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Tiến Dĩnh;
- Lưu: VT, CTTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Tiến Dĩnh
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN
DỰ ÁN 600 PHÓ CHỦ TỊCH XÃ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 413/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện: AL, VT, VC;
- CVP, K12;
- Lưu: VT (10b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình



**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI
ĐỘI VIÊN DỰ ÁN NĂM 2013**

Kèm theo Báo cáo số 829 /BC-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

TT	Tỉnh	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ		
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Lai Châu	46	14	30	25	54	6	13	1	2			01 Đội viên đang nghỉ chữa bệnh
2	Điện Biên	31	10	32	13	42	5	16	3	10			01 Đội viên mất do căn bệnh ung thư
3	Sơn La	49	7	14	33	67	6	12	3	6			
4	Cao Bằng	44	17	39	21	48	6	14					
5	Hà Giang	67	11	16	48	72	6	9	2	3			
6	Lào Cai	34	10	29	22	65	1	3	1	3			
7	Yên Bái	20	3	15	10	50	6	30	1	5			
8	Bắc Kạn	22	4	18	15	68	1	5	2	9			
9	Phú Thọ	8	3	38	4	50			1	13			
10	Bắc Giang	19	1	5	18	95							
11	Thanh Hóa	60	18	30	38	63	2	3	2	3			
12	Nghệ An	26	8	31	17	65	1	4					
13	Quảng Bình	11	7	64	3	27	1	9					
14	Quảng Trị	7	5	71	2	29							

TT	Tỉnh	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ		
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
15	Quảng Nam	30	6	20	21	70	2	7	1	3			
16	Quảng Ngãi	53	5	9	21	40	21	40	6	11			
17	Bình Định	20	11	55	9	45							
18	Ninh Thuận	8	2	25	6	75							
19	Kon Tum	17	2	12	13	76	2	12					01 Đội viên đang nghỉ chữa bệnh
20	Lâm Đồng	5	4	80	1	20							
TỔNG CỘNG		577	148	25,65	340	58,93	66	11,44	23	3,99			

* Ghi chú:

1. Đội viên Mông Thế Dũng- Phó Chủ tịch UBND xã Khổng Lao, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đang nghỉ chữa bệnh
2. Đội viên Võ Tấn Hùng - Phó Chủ tịch UBND xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông đang nghỉ chữa bệnh.
3. Đội viên Lê Văn Tuấn - Phó Chủ tịch xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên mất do căn bệnh ung thư./

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI
ĐỘI VIÊN DỰ ÁN NĂM 2013**

(Kèm theo Báo cáo số 229/BC-BNV ngày 15 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

Tỉnh	Huyện	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ		
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1. Lai Châu		46	14	30,43	25	54,35	6	13,04	1	2,17			
1	Sìn Hồ	18	5	27,78	8	44,44	5	27,78					
2	Mường Tè	6	2	33,33	3	50,00			1	16,67			
3	Phong Thổ	3			2	66,67	1	33,33					Đội viên không Thế Dũng đang nghỉ chữa bệnh
4	Tân Uyên	7	2	28,57	5	71,43							
5	Than Uyên	7	5	71,43	2	28,57							
6	Nậm Nhùn	5			5	100							
2. Điện Biên		31	10	32,26	13	41,94	5	16,13	3	9,68			
7	Tủa Chùa	9	4	44,44	3	33,33	1	11,11	1	11,11			
8	Mường Ảng	7	2	28,57	3	42,86	1	14,29	1	14,29			
9	Mường Nhé	4	1	25,00	2	50,00	1	25,00					
10	Điện Biên Đông	8	3	37,50	4	50,00	1	12,50					Đội viên Lê Văn Tuấn PCT xã Phình Giàng mất do căn bệnh ung thư
11	Nậm Pồ	3			1	33,33	1	33,33	1	33,33			

Tỉnh	Huyện	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ		
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3. Sơn La		49	7	14,29	33	67,35	6	12,24	3	6,12			
12	Quỳnh Nhai	6	2	33,33	4	66,67							
13	Sốp Cộp	3			3	100							
14	Phù Yên	17	1	5,88	15	88,24	1	5,88					
15	Mường La	9	2	22,22	6	66,67	1	11,11					
16	Bắc Yên	14	2	14,29	5	35,71	4	28,57	3	21,43			
4. Cao Bằng		44	17	38,64	21	47,73	6	13,64					
17	Hạ Lang	6			5	83,33	1	16,67					
18	Bảo Lâm	10	6	60,00	3	30,00	1	10,00					
19	Bảo Lạc	11	2	18,18	5	45,45	4	36,36					
20	Thông Nông	8	4	50,00	4	50,00							
21	Hà Quảng	9	5	55,56	4	44,44							
5. Hà Giang		67	11	16,42	48	71,64	6	8,96	2	2,99			
22	Quản Bạ	6	2	33,33	3	50,00	1	16,67					
23	Yên Minh	9	1	11,11	7	77,78			1	11,11			
24	Hoàng Su Phì	19	1	5,26	13	68,42	5	26,32					
25	Mèo Vạc	12	1	8,33	11	91,67							
26	Đồng Văn	9	4	44,44	5	55,56							
27	Xín Mần	12	2	16,67	9	75,00			1	8,33			
6. Lào Cai		34	10	29,41	22	64,71	1	2,94	1	2,94			
28	Si Ma Cai	9	4	44,44	5	55,56							
29	Mường Khương	7	1	14,29	5	71,43	1	14,29					
30	Bắc Hà	18	5	27,78	12	66,67			1	5,56			
7. Yên Bái		20	3	15,00	10	50,00	6	30,00	1	5,00			
31	Mù Cang Chải	10	3	30,00	5	50,00	1	10,00	1	10,00			

Tỉnh	Huyện	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú	
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ			
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
8. Bắc Kạn		22	4	18,18	15	68,18	1	4,55	2	9,09				



Tỉnh	Huyện	Tổng số Đội viên Dự án	Mức độ phân loại đánh giá										Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ ở mức khá		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ		
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Phước Sơn	10			10	100							
	Nam Trà My	10	4	40,00	4	40,00	2	20,00					
16. Quảng Ngãi		53	5	9,43	21	39,62	21	39,62	6	11,32			
	Sơn Hà	9			2	22,22	5	55,56	2	22,22			
	Trà Bồng	7	2	28,57	5	71,43							
	Sơn Tây	8			6	75,00	1	12,50	1	12,50			
	Minh Long	4					2	50,00	2	50,00			
	Tây Trà	8	2	25,00	5	62,50	1	12,50					
	Ba Tơ	17	1	5,88	3	17,65	12	70,59	1	5,88			
17. Bình Định		20	11	55,00	9	45,00							
	An Lão	8	4	50,00	4	50,00							
	Vĩnh Thạnh	7	3	42,86	4	57,14							
	Vân Canh	5	4	80,00	1	20,00							
18. Ninh Thuận		08	2	25,00	6	75,00							
	Bắc Ái	8	2	25,00	6	75,00							
19. Kon Tum		17	2	11,76	13	76,47	2	11,76					Đội viên Võ Tấn Hùng đang nghỉ chữa bệnh
	Kon Plông	7			7	100,00							
	Tu Mơ Rông	10	2	20,00	6	60,00	2	20,00					
20. Lâm Đồng		5	4	80,00	1	20,00							
	Đam Rông	5	4	80,00	1	20,00							
TỔNG CỘNG		577	148	25,65	340	58,93	66	11,44	23	3,99			

DANH SÁCH ĐỘI VIÊN DỰ ÁN HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ NĂM 2013

(Kèm theo Báo cáo số 829/BC-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Lai Châu: 14					
1. Sìn Hồ: 05					
1	La Văn Hiến	20/5/1984		Tày	Xã Cấn Co
2	Dương Thanh Lam	20/5/1988		Kinh	Xã Phìn Hồ
3	Phan Văn Hùng	04/3/1987		Kinh	Xã Tủa Sín Chải
4	Hà Văn Nhất	08/02/1987		Thái	Xã Chăn Nưa
5	Lò Văn Vượng	24/12/1989		Thái	Xã Pa Khóa
2. Mường Tè: 02					
6	Bùi Thị Lập		07/10/1986	Mường	Xã Bum Nưa
7	Phạm Hồng Bình	02/9/1985		Kinh	Xã Mường Tè
3. Tân Uyên: 02					
8	Lò Văn Diện	02/3/1987		Thái	Xã Tà Mít
9	Bùi Thị Thùy		06/5/1987	Mường	Xã Thân Thuộc
4. Than Uyên: 05					
10	Lường Thị Thu		29/8/1987	Thái	Xã Ta Gia
11	Lò Thanh Tùng	02/02/1987		Thái	Xã Tà Hừa
12	Đỗ Hải Đăng	20/9/1986		Mường	Xã Tà Mung
13	Vàng Văn Thóa	21/12/1987		Thái	Xã Mường Mít
14	Lò Văn Tinh	06/5/1987		Thái	Xã Hua Nà
2. Điện Biên: 10					
5. Tủa Chùa: 04					
15	Hoàng Thị Bích		09/12/1983	Kinh	Xã Mường Đun

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Chang A Di	17/2/1985		H'Mông	Xã Tà Phìn
17	Quàng Văn Hùng	25/2/1985		Kháng	Xã Xá Nhè
18	Hà Minh Hiền	22/02/1987		Kinh	Xã Sín Chải
6. Mường Ảng: 02					
19	Lường Thị Thanh		09/11/1983	Thái	Xã Ảng Tờ
20	Lò Văn Quân	02/6/1988		Thái	Xã Ngồi Cáy
7. Mường Nhé: 01					
21	Giàng A Sừ	15/6/1983		H'Mông	Xã Quảng Lâm
8. Điện Biên Đông: 03					
22	Bạch Thị Yến Ly		22/3/1987	Mường	Xã Hàng Lìa
23	Lò Văn Lún	25/6/1984		Thái	Xã Nà Hỳ
24	Lù Văn Tuấn	17/4/1990		Thái	Xã Pá Mì
3. Sơn La: 07					
9. Quỳnh Nhai: 02					
25	Lường Văn Cường	26/11/1982		Thái	Xã Cà Nàng
26	Lê Thị Hương		12/4/1984	Kinh	Xã Nậm Êt
10. Phù Yên: 01					
27	Vì Văn Anh	13/5/1988		Thái	Xã Suối Tọ
11. Mường La: 02					
28	Lò Văn Suan	6/10/1987		Thái	Xã Hua Trai
29	Lương Thị Huyền		24/10/1984	Kinh	Xã Mường Trai
12. Bắc Yên: 02					
30	Quàng Văn Thăng	25/6/1989		Thái	Xã Phiêng Côn
31	Đình Thế Anh	10/7/1985		Mường	Xã Tà Xùa
4. Cao Bằng: 17					
13. Bảo Lâm: 06					

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32	Trần Thị Hương		04/01/1988	Tày	Xã Nam Quang
33	Lê Hữu Phước	14/05/1983		Tày	Xã Thái Học
34	Hà Văn Quảng	19/11/1984		Tày	Xã Yên Thổ
35	Đoàn Hồng Nam	11/11/1984		Tày	Xã Tân Việt
36	Nguyễn Tiến Linh	15/02/1988		Kinh	Xã Thái Sơn
37	Phương Đình Duy	05/03/1986		Tày	Thị trấn Pắc Miếu
14. Bảo Lạc: 02					
38	Nguyễn Ích Trục	01/07/1988		Tày	Xã Hưng Thịnh
39	Đàm Văn Chuẩn	21/03/1984		Nùng	Xã Hồng Trị
15. Thông Nông: 04					
40	Bùi Thị Hồng		10/05/1987	Kinh	Xã Đa Thông
41	Hoàng Minh Đức	14/09/1988		Nùng	Xã Lương Thông
42	Nguyễn Thu Trang		28/06/1987	Nùng	Xã Lương Can
43	Đỗ Thế Giáp	26/06/1984		Tày	Xã Thanh Long
16. Hà Quảng: 05					
44	Hà Thị Mai		23/01/1988	Nùng	Xã Hồng Sỹ
45	Vi Thị Xuân Hồng		10/08/1989	Nùng	Xã Sỹ Hai
46	Đặng Trung Kiên	20/09/1987		Tày	Xã Thượng Thôn
47	Sầm Văn Huy	05/04/1989		Nùng	Xã Phù Ngọc
48	Bế Thị Huệ		10/05/1983	Tày	Xã Đào Ngạn
5. Hà Giang: 11					
17. Quản Bạ: 02					
49	Sầm Văn Dũng	25/8/1985		Tày	Xã Cán Tỷ
50	Vi Chính Trương	19/10/1986		Bố Y	Xã Đông Hà
18. Yên Minh: 01					
51	Nguyễn Văn Huân	01/09/1989		Tày	Xã Ngam La

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19. Hoàng Su Phì: 01					
52	Nguyễn Ngọc Anh	18/12/1983		Kinh	Xã Tả Sứ Choóng
20. Mèo Vạc: 01					
53	Lý Văn Đông	24/10/1983		Dao	Xã Pải Lũng
21. Đồng Văn: 04					
54	Phùng Đình Kiên	17/9/1989		Dao	Xã Hồ Quảng Phìn
55	Nguyễn Mạnh Hà	21/11/1986		Kinh	Xã Lũng Thầu
56	Cháng Văn Minh	11/10/1987		Dao	Xã Sảng Tùng
57	Lục Thị Thu Nhâm		18/8/1987	Nùng	Xã Sính Lũng
22.Xín Mần: 02					
58	Vũ Thị Giang		02/9/1986	Kinh	Xã Tả Nhieu
59	Nguyễn Văn Sáu	26/6/1985		Tày	Xã Bản Díu
6. Lào Cai: 10					
23. Si Ma Cai: 04					
60	Hàng A Tủa	16/8/1983		Mông	Xã Cán Cầu
61	Giảng Seo Châu	01/01/1986		Mông	Xã Mản Thẩn
62	Vũ Văn Sơn	05/6/1982		Kinh	Xã Quan Thẩn Sán
63	Bùi Thị Chung		02/7/1986	Kinh	Xã Bản Mế
24. Mường Khương: 01					
64	Thần Văn Lợi	03/11/1988		Nùng	Xã La Pan Tẩn
25. Bắc Hà: 05					
65	Phạm Văn Điều	04/5/1982		Kinh	Xã Na Hối
66	Hoàng Mạnh Trường	28/10/1989		Tày	Xã Bản Liền
67	Phạm Hữu Trọng	12/9/1987		Kinh	Xã Nậm Đét
68	Trần Anh Võ	17/12/1983		Kinh	Xã Nậm Lúc
69	Lý Văn Niệm	15/01/1989		Dao	Xã Nậm Khánh

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7. Yên Bái: 03					
26. Mù Cang Chải: 03					
70	Lý A Sử	9/10/1985		Mông	Xã Nậm Khắt
71	Tô Văn Học	14/11/1983		Kinh	Xã Cao Phạ
72	Đàm Đức Đông	21/9/1989		Kinh	Xã Hồ Bốn
8. Bắc Kạn: 04					
27. Pác Nặm: 02					
73	Hoàng Thị Hạnh		2/6/1985	Tày	Xã Xuân La
74	Cà Văn Thế	13/6/1982		Tày	Xã Nhạn Môn
28. Ba Bể: 02					
75	Hoàng Văn Dũng	28/3/1988		Tày	Xã Bành Trạch
76	Triệu Anh Chư	20/6/1986		Tày	Xã Đồng Phúc
9. Phú Thọ: 3					
29. Tân Sơn: 03					
77	Hà Minh Hoạt	05/4/1985		Mường	Xã Đồng Sơn
78	Nguyễn Thái Sơn	01/9/1988		Mường	Xã Long Cốc
79	Phùng Thị Thúy Hà		26/10/1989	Mường	Xã Thạch Kiệt
10. Bắc Giang: 1					
30. Sơn Động: 01					
80	Trần Sỹ Trung	14/4/1982		Kinh	Xã Quế Sơn
11. Thanh Hóa: 18					
31. Lang Chánh: 06					
81	Vũ Thị Chiến		06/6/1987	Kinh	Xã Giao Thiện
82	Trương Thị Linh		04/01/1987	Kinh	Xã Trung Tiến
83	Lò Văn Nhập	23/6/1986		Thái	Xã Sơn Lư
84	Phạm Thị Ninh		25/9/1989	Thái	Xã Trung Thượng

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
85	Hà Hoàng Thanh Tâm	07/5/1985		Kinh	Xã Trung Hạ
86	Trịnh Văn Triệu	05/8/1986		Kinh	Xã Trung Xuân
32. Quan Hóa: 06					
87	Phạm Hồng Chương	06/01/1984		Kinh	Xã Thanh Xuân
88	Lương Thị Dung		12/11/1988	Thái	Xã Nam Xuân
89	Hà Thị Hạnh		03/02/1988	Thái	Xã Phú Nghiêm
90	Trịnh Thị Thủy		12/9/1983	Kinh	Xã Xuân Phú
91	Bùi Thanh Tuyền	16/12/1986		Mường	Xã Phú Sơn
92	Phạm Văn Việt	02/11/1986		Mường	Xã Phú Lệ
33. Thường Xuân: 02					
93	Nguyễn Thị Hương		08/3/1989	Kinh	Xã Xuân Lệ
94	Trịnh Văn Trường	28/8/1986		Kinh	Xã Yên Nhân
34. Như Xuân: 03					
95	Hoàng Lê Chương	06/8/1984		Kinh	Xã Thanh Lâm
96	Lê Đình Huấn	20/9/1982		Kinh	Xã Hóa Quý
97	Nguyễn Anh Ngọc	28/3/1987		Kinh	Xã Xuân Quý
35. Bá Thước: 01					
98	Hà Thanh Chương	24/9/1986		Mường	Xã Thiết Kế
12. Nghệ An: 08					
36. Tương Dương: 02					
99	Lương Thị Hiền		3/10/1989	Thanh	Xã Thạch Giám
100	Lê Anh Sơn	19/12/1988		Kinh	Xã Yên Hòa
37. Kỳ Sơn: 05					
101	Hạ Bá Lý	15/10/1989		H'Mông	Xã Huồi Tụ
102	Lưu Đức Cường	28/10/1983		Kinh	Xã Tây Sơn
103	Vi Văn Duy	23/5/1989		Thái	Xã Bảo Nam

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
104	Lô Mạnh Quân	4/10/1989		Thái	Xã Hữu Kiệm
105	Phạm Văn Hòa	20/12/1987		Kinh	Xã Bảo Thắng
38. Quế Phong: 01					
106	Hà Minh Tuấn	14/9/1982		Thái	Xã Châu Kim
13. Quảng Bình: 07					
39. Minh Hóa: 07					
107	Đinh Thị Hoài Thương		20/10/1988	Kinh	Xã Hóa Hợp
108	Phạm Văn Bắc	15/3/1989		Kinh	Xã Trọng Hóa
109	Hoàng Thị Nghĩa		12/5/1982	Kinh	Xã Xuân Hóa
110	Đinh Hải Lý	19/11/1987		Kinh	Xã Quý Hóa
111	Ngô Thị Hương		10/10/1989	Kinh	Xã Hóa Phúc
112	Hà Ngọc Thành	20/11/1988		Kinh	Xã Yên Hóa
113	Đinh Tiến Hoàng	01/05/1987		Kinh	Xã Hóa Tiến
14. Quảng Trị: 07					
40. Đa Krông: 05					
114	Đỗ Thị Thanh Tinh		12/1/1982	Ba Na	Xã Hướng Hiệp
115	Trần Thiên Trường	05/6/1982		Kinh	Xã Triệu Nguyên
116	Nguyễn Đức Linh	05/2/1988		Kinh	Xã Mò Ó
117	Trần Minh Huỳnh	21/5/1986		Kinh	Xã Húc Nghi
118	Hồ Văn Quắm	20/5/1982		Pa Kô	Xã Tà Rụt
15. Quảng Nam: 06					
41. Tây Giang: 02					
119	Phơ Loong Nhiêu	4/4/1985		Cơ Tu	Xã Ch'Ơm
120	Hồ Văn Tịnh	15/11/1984		Kadong	Xã Dang
42. Nam Trà My: 04					
121	La Thị Thanh Thủy		24/01/1989	Kinh	Xã Trà Don

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
122	Đinh Hồng Thắng	20/4/1984		Hrê	Xã Trà Linh
123	Phan Quốc Cường	10/6/1987		Kinh	Xã Trà Leng
124	Nguyễn Hữu Quang	30/9/1988		Kinh	Xã Trà Vinh
16. Quảng Ngãi: 05					
43. Trà Bồng: 02					
125	Bùi Quang Kha	15/9/1986		Kinh	Xã Trà Sơn
126	Võ Văn Tiến	10/01/1983		Kinh	Xã Trà Bùi
44. Ba Tơ: 01					
127	Nguyễn Anh Khoa	07/6/1985		Kinh	Xã Ba Diễn
45. Tây Trà: 02					
128	Tiêu Viết Phương	19/4/1987		Kinh	Xã Trà Thọ
129	Lê Minh Vương	25/6/1986		Kinh	Xã Trà Xinh
17. Bình Định: 11					
46. An Lão: 04					
130	Phạm Văn Độ	30/10/1988		Kinh	Xã An Tân
131	Phạm Trọng	8/5/1988		Kinh	Xã An Nghĩa
132	Nguyễn Xuân Đào	10/8/1985		Kinh	Xã An Toàn
133	Nguyễn Lê Thuần	08/03/1989		Kinh	Xã An Hưng
47. Vĩnh Thạnh: 03					
134	Trần Trọng Kim	10/2/1985		Kinh	Xã Vĩnh Sơn
135	Trịnh Bảo Luân	15/06/1984		Kinh	Xã Vĩnh Quang
136	Dương Thị Hằng		20/04/1988	Kinh	Xã Vĩnh Thuận
48. Vân Canh: 04					
137	Phan Thế Duy	12/04/1987		Kinh	Xã Canh Hòa
138	Phan Trọng Thảo	20/10/1986		Kinh	Xã Canh Hiến
139	Trần Xuân Lợi	20/10/1986		Kinh	Xã Canh Liên

Tỉnh/ Huyện	Họ và tên	Ngày sinh		Dân tộc	Phân công về UBND xã
		Nam	Nữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
140	Lê Thị Kim Anh		01/7/1988	Kinh	Xã Canh Thuận
18. Ninh Thuận: 02					
49. Bác Ái: 02					
141	Nguyễn Thị Ngọc Linh		25/05/1986	Kinh	Xã Phước Tiến
142	Pi Lao Thị Thuynh		17/11/1985	Raglai	Xã Phước Đại
19. Kon Tum: 02					
50. Tu Mơ Rông: 02					
143	A Dũng	25/11/1985		Xê đăng	Xã Đăk Na
144	A Tuấn	16/10/1985		Xê đăng	Xã Tu Mơ Rông
20. Lâm Đồng: 04					
51. Đam Rông: 04					
145	Trương Hữu Tư	19/01/1984		Kinh	Xã Đạ Long
146	Võ Văn Bền	15/08/1987		Kinh	Xã Đạ M' Rông
147	Hoàng Trần Phú Hưng	7/9/1986		Nùng	Xã Phi Liêng
148	Lơ Mu Ha Póh	8/5/1987		Cil	Xã Rô Men



**BÁO CÁO TỔNG HỢP CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG
ĐỐI VỚI ĐỘI VIÊN DỰ ÁN 600 PHÓ CHỦ TỊCH XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày tháng 3 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

TT	Tỉnh	Tổng số đội viên Dự án	Đội viên là đảng viên trước khi về xã công tác		Đội viên được kết nạp Đảng sau khi về xã công tác		Đội viên đã tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng		Đội viên đang được theo dõi, giúp đỡ để phát triển Đảng	
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Lai Châu	47	8	17,02	2	4,26	20	42,55	17	36,17
2	Điện Biên	31	1	3,23	3	9,68	14	45,16	13	41,94
3	Sơn La	49	11	22,45	4	8,16	25	51,02	9	18,37
4	Cao Bằng	44	2	4,55	8	18,18	14	31,82	20	45,45
5	Hà Giang	67	16	23,88	28	41,79	16	23,88	7	10,45
6	Lào Cai	34	4	11,76	7	20,59	7	20,59	16	47,06
7	Yên Bái	20	6	30,00	7	35,00	6	30,00	1	5,00
8	Bắc Kạn	22	6	27,27	5	22,73	11	50,00	0	0,00
9	Phủ Thọ	8	2	25,00	3	37,50	2	25,00	1	12,50
10	Bắc Giang	19	5	26,32	6	31,58	7	36,84	1	5,26
11	Thanh Hóa	60	13	21,67	20	33,33	20	33,33	7	11,67
12	Nghệ An	26	5	19,23	14	53,85	4	15,38	3	11,54
13	Quảng Bình	11	3	27,27	3	27,27	3	27,27	2	18,18

TT	Tỉnh	Tổng số đội viên Dự án	Đội viên là đảng viên trước khi về xã công tác		Đội viên được kết nạp Đảng sau khi về xã công tác		Đội viên đã tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng		Đội viên đang được theo dõi, giúp đỡ để phát triển Đảng	
			Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Quảng Trị	7	2	28,57	2	28,57	0	0,00	3	42,86
15	Quảng Nam	30	8	26,67	5	16,67	16	53,33	1	3,33
16	Quảng Ngãi	53	5	9,43	10	18,87	30	56,60	8	15,09
17	Bình Định	20	5	25,00	4	20,00	8	40,00	3	15,00
18	Ninh Thuận	8	0	0,00	3	37,50	3	37,50	2	25,00
19	Kon Tum	18	0	0,00	7	38,89	9	50,00	2	11,11
20	Lâm Đồng	5	1	20,00	1	20,00	2	40,00	1	20,00
TỔNG CỘNG		579	103	17,79	142	24,53	217	37,48	117	20,21